

Số: 03/GPMT-UBND

Cầu Ngang, ngày 22 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;*

*Theo văn bản số 01/CV-ĐN ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH
Woo Sung Global Vina về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Sản
xuất hàng may mặc của Woo Sung Global Vina và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện
Cầu Ngang tại Tờ trình số 65/TTr-PTNMT ngày 20/03/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Woo Sung Global Vina, địa chỉ tại
ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các
hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sản xuất hàng may mặc của Woo Sung
Global Vina” tại ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh với
các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất hàng may mặc của Woo Sung Global Vina

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh
Trà Vinh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 3274276588 do Sở Kế hoạch và Đầu
tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận lần đầu: ngày 04 tháng 01 năm 2017; chứng nhận
điều chỉnh lần I: ngày 10 tháng 3 năm 2017.

1.4. Mã số thuế: 2100617311.



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô của cơ sở: Tổng diện tích của cơ sở là 27931,7m² thuộc thửa số 4604, tờ bản đồ số 7.

- Công suất sản xuất: 730.000 sản phẩm/năm, không qua công đoạn giặt tẩy.

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 33.960.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng) thuộc dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Woo Sung Global Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.



Điều 3. Thời hạn của Giấy phép 10 năm (từ ngày 22 tháng 3 năm 2023 đến ngày 22 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Ngang, Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các PCT, CT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện Cầu Ngang;
- BLĐVP; NC;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Vinh Kim;
- Công ty TNHH Woo Sung Global Vina;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường Giang



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn**

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên
- Nước thải từ nhà bếp
- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Vinh Kim thuộc ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí tiếp nhận nước thải của cơ sở: tại ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

$$X (m) = 1089792$$

$$Y (m) = 603904$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $90 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $3,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Nước thải sau xử lý được bơm vào bể chứa nước, tại đây nước tự chảy ra con rạch bằng đường ống PVC $\Phi 90\text{mm}$ đầu nối vào cống bê tông $\Phi 1000\text{mm}$, sau đó được xả ra nguồn tiếp nhận sông Vinh Kim theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:*

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	06 tháng/lần

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1)	Tần suất quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	06 tháng/lần
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	06 tháng/lần
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	06 tháng/lần
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	06 tháng/lần
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	10	06 tháng/lần
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/l	50	06 tháng/lần
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/l	10	06 tháng/lần
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	06 tháng/lần
10	Tổng các chất hoạt động về mặt	mg/l	10	06 tháng/lần
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- *Nước mưa chảy tràn:*

+ Nước mưa chảy tràn trên mái nhà theo độ dốc chảy về máng xói. Tại máng xói có lắp đặt ống dẫn bằng nhựa PVC Φ90mm để dẫn nước mưa xuống đường cống xây gạch chạy dọc theo vị trí của công trình. Cống thoát nước mưa được xây dựng bằng gạch, phía trên đập đal có đục lỗ, độ dốc thiết kế là 0,25%. Sau đó thoát ra cống thu gom nước mưa chung.

+ Nước mưa chảy tràn dưới sân đường theo độ dốc chảy về cống thu gom nước mưa chung của cơ sở. Cống thoát nước chung bằng bê tông D400, tổng chiều dài 490,15m. Sau đó nước mưa được thoát ra con rạch, cặp bên công ty.

+ Tại khu vực phía sau, cơ sở có xây dựng thêm rãnh thoát nước mưa phần đường dẫn vào kho chứa, một phần của kho chứa và hệ thống xử lý nước thải. Rãnh thoát nước mưa này nằm độc lập so với hệ thống cống thoát nước mưa chung của cơ sở và thoát ra kênh rạch.

+ Trong khuôn viên của cơ sở có một số vị trí trồng cây xanh, nền đất cát nên nước mưa chảy tràn qua khu vực này sẽ chảy tự do, tự thấm.

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh sẽ được dẫn vào hầm tự hoại bằng ống nhựa UPVC. Từ hầm tự hoại của hai khu vực, nước thải sẽ

chảy về hố ga chung đặt tại vị trí cuối nhà xưởng, từ đây nước thải sẽ chảy trong đường ống dẫn đến hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

+ Thông số thiết kế của hệ thống thu gom:

- Vật liệu: nhựa UPVC;
- Độ dốc thiết kế: 1%.

+ Thông số kỹ thuật của hố ga:

- Kích thước: 1,2m x 1,2m x 1,8m;
- Kết cấu: xây gạch;
- Số lượng: 02 cái.

+ Thông số kỹ thuật của đường ống dẫn từ hố ga chung đến hệ thống xử lý nước thải:

- Chiều dài: 20m;
- Đường kính ống dẫn: 220mm;
- Vật liệu: nhựa UPVC, dày 5,1 mm;
- Độ dốc thiết kế: 1%.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất:

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bởi hầm tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải đầu vào → bể thu gom → bể điều hòa → bể anoxic → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bồn lọc → bể khử trùng → rạch → sông Vinh Kim.

- Công suất thiết kế: 90m³/ngày đêm.

- Hóa chất khử trùng: chlorine.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 03/6/2023.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý nước thải tập trung công suất 90 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý và 03 mẫu nước thải đầu ra sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1)
1	pH	-	5 - 9

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	10
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/l	50
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/l	10
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
10	Tổng các chất hoạt động về mặt	mg/l	10
11	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Nội dung	Số lượng, tần suất	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải đầu vào HTXLNT	Số lượng: 01 mẫu Tần suất: 01 ngày/lần	Ngày 01/6/2023
2	Nước thải đầu ra sau HTXLNT	Số lượng: 03 mẫu Tần suất: 01 ngày/lần	Ngày 01/6/2023 Ngày 02/6/2023 Ngày 03/6/2023

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ lò hơi

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

$$X (m) = 1089751$$

$$Y (m) = 603885$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: không liên tục (8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_v=1,2$, $K_p=1$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	(mg/Nm^3)	240	06 tháng/lần
2	CO	(mg/Nm^3)	1.200	06 tháng/lần
3	H ₂ S	(mg/Nm^3)	9	06 tháng/lần
4	NO _x	(mg/Nm^3)	1.020	06 tháng/lần
5	SO ₂	(mg/Nm^3)	600	06 tháng/lần
6	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần
7	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	-	06 tháng/lần
8	Tiếng ồn	dBA	70 ⁽¹⁾	06 tháng/lần

Ghi chú: (1) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nồi hơi thiết kế công nghệ nguyên khối kết hợp lò hơi và hệ thống xử lý khí thải khép kín. Nguyên lý khép kín từ công đoạn đốt nhiên liệu đến thiết bị lọc cyclone.

1.2. Công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải lò hơi → quạt hút → thiết bị lọc cyclone → quạt hút ly tâm → bể lọc ướt → ống khói (cao 20,792m).

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 03/6/2023

2.2. Công trình thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý khí thải 10.000m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: ống khói lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K _v =1,2, K _p =1)
1	Bụi	(mg/Nm ³)	240
2	CO	(mg/Nm ³)	1.200
3	H ₂ S	(mg/Nm ³)	9
4	NO _x	(mg/Nm ³)	1.020
5	SO ₂	(mg/Nm ³)	600
6	Lưu lượng	m ³ /h	-
7	Nhiệt độ	°C	-
8	Tiếng ồn	dBA	70 ⁽¹⁾

Ghi chú: (1) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Nội dung	Số lượng, tần suất	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Khí thải từ ống khói lò hơi	Số lượng: 03 mẫu Tần suất: 01 ngày/lần	Ngày 01/6/2023 Ngày 02/6/2023 Ngày 03/6/2023

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.



Phụ lục 6
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	10
3	Vật thể dùng để cắt đã qua sử dụng	07 03 10	15
4	Các loại thủy tinh hoạt tính	16 01 06	15
Tổng khối lượng			50

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm vải vụn, chỉ vụn, sản phẩm hỏng, giấy vụn, thùng carton... khối lượng trung bình 20 - 30 kg/ngày.

- Tro xỉ lò hơi từ quá trình đốt nhiên liệu có khối lượng phát sinh trung bình khoảng 200 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Rác thải sinh hoạt phát sinh gồm chai nhựa thải, thức ăn thừa,... khối lượng phát sinh trung bình 100 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: chứa trong thùng chứa CTNH (đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Kho lưu chứa: có diện tích 3m², kết cấu: tường tole, mái tole.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định về quản lý CTNH.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo để chứa chất thải nguy hại phát sinh (CTNH).

Kho lưu chứa: có diện tích 36 m², kết cấu: tường tole, mái tole.

Tro lò hơi: được đóng bao và tập kết vào khu vực kho lưu trữ định kỳ cung cấp cho các đơn vị thu mua.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Lượng rác thải phát sinh hàng ngày được tập trung vào 10 thùng chứa rác (loại thùng có thể tích 240l/thùng) bố trí tại các xưởng sản xuất, dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ, tại khu nhà làm việc.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở như: sự cố trong quá trình sản xuất, sự cố khi vận hành lò hơi và các thiết bị áp lực, đảm bảo về an toàn lao động và chống sét.

